

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-PT  
Ngày: 07-01-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Dũng;

**Các Thẩm phán:** Ông Huỳnh Văn Luật;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 463/2024/DS-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hà Thị D, sinh năm 1986; địa chỉ: số A/N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Phạm Thành T, sinh năm 2000, địa chỉ: số I, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2024); có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: số C đường Đ, tổ C, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số C đường Đ, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Thị Ngọc D1, sinh năm 1998, địa chỉ: số D Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2024); có mặt.*

*- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị D và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Thành T thống nhất trình bày:*

Bà Hà Thị D và bà Nguyễn Thị Bích P là bạn bè thân lâu năm, bà D cũng là nhân viên của công ty do bà P làm giám đốc. Cuối năm 2022, bà P đã rủ bà D đầu tư kinh doanh tài chính, lợi nhuận hàng tháng khoảng 3%. Mặc dù không nắm rõ việc kinh doanh như thế nào, nhưng do tin tưởng bà P là bạn bè lâu năm, cũng là sếp của mình nên bà D đã đồng ý hỗ trợ cho bà P.

Theo đó, từ khoảng cuối năm 2022, nhiều lần bà D đã chuyển tiền vào số tài khoản của bà P, mỗi lần chuyển tiền bà D đều ghi chú lại và có sự xác nhận của bà P. Thời gian đầu, bà P có thanh toán tiền lãi tháng cho bà D. Tuy nhiên chỉ được vài lần thì bà D không thấy bà P chuyển nữa. Đến khoảng tháng 6/2023, số tiền nợ đã lên đến 1.930.000.000 đồng (*có xác nhận của bà P trong Giấy vay tiền cùng ngày*). Khi đó bà D có yêu cầu bà P trả lại để bà D lo việc gia đình thì bà P đã nài nỉ, thuyết phục bà D cho vay thêm một khoản tiền nữa, thì mới có thể tắt toán hồ sơ và trả lại cho bà D được. Do vậy bà D lại tiếp tục cho bà P vay thêm số tiền 1.400.000.000 đồng (căn cứ theo Giấy nhận nợ ngày 11/10/2023).

Tuy nhiên trong suốt khoảng thời gian đó, rất nhiều lần bà D yêu cầu bà P hoàn trả lại toàn bộ số tiền hơn 03 tỷ cho bà D, nhưng bà P chỉ hứa hẹn và lẩn tránh. Đầu năm 2024, bà D đến tận nhà bà P để lấy lại khoản tiền vay. Tại buổi làm việc này, bà P chỉ xác nhận còn nợ của bà D số tiền là 3.260.000.000 đồng (Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/01/2024), còn việc trả tiền thì bà P vẫn tiếp tục xin khất, khi nào có sẽ trả.

Giao dịch vay mượn các bên là rõ ràng, có chứng từ đầy đủ, chính bà Nguyễn Thị Bích P cũng đã xác nhận cho việc có vay bà D số tiền 3.260.000.000 đồng theo văn bản ký ngày 02/01/2024. Việc vay mượn giữa hai bên đã lâu, bà P hứa hẹn hết lần này đến lần khác, hành vi chậm trễ kéo dài việc thanh toán đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Xét thấy không thể giải quyết qua con đường hòa giải, do vậy bà D làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích P phải trả cho bà Hà Thị D số tiền nợ gốc là 3.260.000.000 đồng (*Ba tỉ hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích P phải trả cho bà Hà Thị D số tiền lãi tạm tính từ ngày 02/01/2024 đến ngày 19/6/2024, làm tròn là 05 tháng, lãi suất là 0,8%/tháng,

tính trên số tiền nợ gốc là 3.260.000.000 đồng, với số tiền lãi làm tròn số là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Bích P phải trả cho bà Hà Thị D là 3.390.000.000 đồng (*Ba tỉ ba trăm chín mươi triệu đồng*).

*Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P và đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Đặng Thị Ngọc DI trình bày:*

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Hà Thị D thì bà Nguyễn Thị Bích P xác định về công nợ thì bà P xác định có nợ bà D số tiền 3.260.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tờ với nhau và thoả thuận lãi suất là 0,8%/tháng. Tuy nhiên, số tiền nợ thực tế là không đúng. Vì hai bên vay nợ với nhau rất nhiều lần và đã lâu. Vì vậy, bà P xác định sẽ làm bản giải trình cho Tòa án trước khi mở phiên tòa.

Sau khi lập giấy xác nhận nợ vào ngày 02/01/2024, bà D có yêu cầu bà P thanh toán tiền vay nhưng do có khó khăn về tài chính nên bà P chưa thanh toán cho bà D.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu thanh toán tổng số tiền là: 3.390.000.000 đồng (*Ba tỉ ba trăm chín mươi triệu đồng*). Trong đó có 3.260.000.000 đồng nợ gốc và 130.000.000 đồng tiền lãi thì bà P không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 19/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích P có trách nhiệm thanh toán cho bà Hà Thị D tổng số tiền số tiền tạm tính đến ngày 19/6/2024 là: 3.390.000.000 đồng (*Ba tỉ ba trăm chín mươi triệu đồng*). Trong đó, có 3.260.000.000 đồng nợ gốc và 130.000.000 đồng tiền lãi.

- Kể từ ngày 20/6/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho bà Hà Thị D, bà Nguyễn Thị Bích P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 28/6/2024, bị đơn - bà Nguyễn Thị Bích P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng khấu trừ số tiền gốc hơn 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và số tiền lãi mà bà P đã trả cho nguyên đơn - bà Hà Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đặng Thị Ngọc D1 trình bày: Sau khi các bên có chốt lại Biên bản xác nhận công nợ vào ngày 02/01/2024 thì bà P trả cho bà D tiền gốc là 1 tỷ đồng. Đối với 02 giấy vay ban đầu thì bà P cũng trả tiền lãi cho bà D 6%/tháng, tổng tiền lãi đã trả là 747 triệu đồng. Tiền gốc được trả bằng hình thức chuyển khoản, còn tiền lãi thì được trả bằng chuyển khoản và tiền mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P có đề nghị cho thêm thời gian để sao kê các tài khoản nhưng đến phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay thì bà P không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Quá trình xét xử, sau khi xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn và đại diện hợp pháp của bị đơn, xét thấy ngày 28/6/2024 bị đơn - bà P kháng cáo là phù hợp theo quy định của luật tố tụng. Quá trình giải quyết tại sơ thẩm và phúc thẩm, bà P cho rằng có nợ bà D vào ngày 02/01/2024 nợ 3 tỷ 260 triệu đồng nhưng sau khi xác lập văn bản này thì đã thanh toán 01 tỷ đồng. Tuy nhiên, đại diện của bà P không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về giao dịch vay tài sản giữa bà Hà Thị D và bà Nguyễn Thị Bích P: Trong quá trình xét xử sơ thẩm, các đương sự đã thừa nhận rằng bà D và bà P có lập Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/01/2024 và xác nhận rằng tính đến ngày 02/01/2024, bà P còn nợ bà D số tiền là 3.260.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) với lãi suất là 0,8%/tháng. Đây là tình tiết, chứng cứ không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khi lập Biên bản xác nhận công nợ, các bên đều có năng lực hành vi dân sự, không ai bị ép buộc, lừa

đổi và nội dung của biên bản phù hợp với Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, và lãi suất các bên thoả thuận phù hợp theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Biên bản xác nhận công nợ có hiệu lực thi hành giữa các bên.

[2.2] Về việc thực hiện Biên bản xác nhận công nợ: Sau khi lập Biên bản xác nhận công nợ, bà D nhiều lần yêu cầu bà P thanh toán nợ gốc và lãi suất nhưng bà P không thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ theo điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, “*Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Căn cứ khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý*”. Do vậy, kể từ ngày 02/01/2024, bà P đã xác nhận nợ gốc chưa trả cho bà D là 3.260.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) với lãi suất 0,8%/tháng; theo đó, bà P có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, và tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả.

Do đó, bà D yêu cầu buộc bà P trả nợ gốc là 3.260.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng), và tiền lãi là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) tính từ ngày 02/01/2024 đến ngày ra xét xử sơ thẩm, theo trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Xét thấy, bà P kháng cáo cho rằng:

- Theo các Giấy mượn tiền ngày 14/6/2023 và 11/10/2023 với tổng số tiền là 3.330.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng) dù không ghi lãi suất nhưng thực tế bà P đều trả lãi cho bà D 6%/tháng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà D. Ngoài ra, bà P cũng có trả 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tiền gốc cho bà D.

- Từ ngày 02/01/2024 khi lập Biên bản xác nhận công nợ, bà P đã nhiều lần trả tiền cho bà D với tổng số tiền hơn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà D.

Tuy nhiên, bà P và đại diện hợp pháp của mình không cung cấp bất kỳ chứng cứ chứng minh nào liên quan đến việc chuyển tiền cho bà D như đã trình bày.

Từ những phân tích trên, xét thấy không có cơ sở để khấu trừ số tiền gốc hơn 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và số tiền lãi mà bà Nguyễn Thị Bích P cho rằng đã trả cho bà Hà Thị D. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích các bên, xét xử phù hợp với quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2024/DS-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0002113 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trung Dũng**